



nán péng you

男朋友

Noun · boyfriend

Example Sentences

tā de nán péng you hěn gāo
她的男朋友很高。

Her boyfriend is very tall.

wǒ nán péng you jīn tiān hěn máng
我男朋友今天很忙。

My boyfriend is very busy today.

wǒ de péng you hé nán péng you fēn shǒu le xiàn zài tā hěn nán guò
我的朋友和男朋友分手了，现在她很难过。

My friend broke up with her boyfriend, and now she is very sad.

Trace each character, then write the word on your own.

男 男 男 男 男 男 男 男 男 男

朋 朋 朋 朋 朋 朋 朋 朋 朋 朋 朋

友 友 友 友 友 友 友